

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 27/5/2022  
Về việc “Ly hôn giữa bà T với ông T1”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đăng Phi.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Bùi Văn Chiêu.

2. Ông Ngô Thái Hùng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Minh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại Hội T1 xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 301/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

***\* Nguyên đơn: Hồ Thị Thanh T***, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân An, xã TP, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

***\* Bị đơn: Nguyễn Văn T1***, sinh năm 1978. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân An, xã TP, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 13/12/2021; Đơn yêu cầu vắng mặt ngày 04/5/2022, bà Hồ Thị Thanh T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn thương, không quan tâm để cùng chăm lo cho cuộc sống gia đình, ông T1 có quan hệ với người phụ nữ khác. Vì vậy, vợ chồng ông T1 và bà T đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện tại, bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông T1 nữa. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết một số vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Th Tiên, sinh ngày 24/02/1998 và Nguyễn Hồ T1 Huy, sinh ngày 04/5/2007. Cháu T2 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác hợp lệ nhưng ông Nguyễn Văn T1 bất hợp tác với Tòa án, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án ly hôn giữa bà Hồ Thị Thanh T với ông Nguyễn Văn T1.

*\* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Hồ Thị Thanh T thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Nguyễn Văn T1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Văn T1.

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Th Tiên, sinh ngày 24/02/1998 và Nguyễn Hồ T1 Huy, sinh ngày 04/5/2007. Bà Hồ Thị Thanh T yêu cầu

được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy (Phù hợp với nguyện vọng của cháu Huy trên 07 tuổi). Riêng cháu Nguyễn Thị Th T2 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, ông T1 cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Thị Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó xét xử vắng mặt bà T và ông T1 là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về Nội dung vụ án.

Bà Hồ Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, hai bên có đăng ký kết hôn theo luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Vợ, chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện tại, bà T và ông T1 ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm gì đến nhau. Ông T1 từ chối tham gia tố tụng, không có thiện chí đến Tòa án để tham gia hòa giải và đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Thanh T là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Th Tiên, sinh ngày 24/02/1998 và Nguyễn Hồ T1 Huy, sinh ngày 04/5/2007. Nhận thấy, cháu Huy đã được bà T nuôi dưỡng và phát triển bình thường khỏe mạnh nên cần tiếp tục giao cháu Huy cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Huy trên 07 tuổi. Riêng cháu Nguyễn Thị T Tiên, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hồ Thị Thanh T khai không có, ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt, cũng không cung cấp lời khai, chứng cứ hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Hồ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Văn T1.

Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Thanh T với ông Nguyễn Văn T1.

**2.** Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Th Tiên, sinh ngày 24/02/1998 và Nguyễn Hồ T1 Huy, sinh ngày 04/5/2007. Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy (Phù hợp với nguyện vọng của cháu Huy trên 07 tuổi). Đối với cháu T2 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xét đến.

**4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.**

Bà Hồ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003472 ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre. Vậy, bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Ủy ban nhân dân xã TP(Số 28, quyền số 01 năm 2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Nguyễn Đăng Phi**